

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày 04-8-2023
Về việc “*Không công nhận
quan hệ vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lộc Thị Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hòa và bà Nguyễn Thị Thuận.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Cư Jút.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Ông
Đặng Văn Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 111/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Vi Hồng S, sinh năm: 1963

Địa chỉ: Thôn N, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- Bị đơn: Bà Lò Thị P, sinh năm: 1971

Địa chỉ: Thôn N, xã E, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Vi Hồng S bày: Ông Vi Hồng S và bà Lò Thị P chung sống với nhau từ cuối năm 1987 đầu năm 1988 trên tinh thần tự nguyện tìm hiểu, tuy nhiên cả hai đều không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mặc dù đều được biết quy định về việc phải đến UBND xã để đăng ký kết hôn. Việc chung sống với nhau chỉ tổ chức lễ cưới theo truyền thống có sự cho phép và chứng kiến của hai bên gia đình và bà con xóm giềng. Quá trình chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân: do bà P không chịu khó làm ăn, bỏ bê gia đình nên vợ chồng thường

xuân xảy ra cãi vã đánh đập nhau. Từ đầu năm 2023 trở lại đây ông bà sống ly thân. Nay ông S yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông S và bà Lò Thị P

Về con chung: Ông Vi Hồng S và bà Lò Thị P có 02 con chung là Vi Văn T, sinh ngày 13/01/1990; và Vi Thị T, sinh ngày 25/4/1992, các con chung đều đã đủ 18 tuổi, ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Lò Thị P trình bày: Ông Vi Hồng S và bà Lò Thị P chung sống với nhau từ cuối năm 1987 đầu 1988, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà P và ông S lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống hạnh phúc được 25 năm thì đến năm 2023 cuộc sống vợ chồng đã có xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng mau thuẫn trong cách sống, ông S chửi bới, đánh đập bà P, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Nay ông Vi Hồng S yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa bà và ông S thì bà Lò Thị P đồng ý.

Về con chung: Ông S, bà P có 02 con chung tên là Vi Văn T, sinh ngày 13/01/1990; và Vi Thị T, sinh ngày 25/4/1992; các con chung đều trưởng thành, có gia đình riêng và hoàn toàn bình thường nên bà P không có yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và tuyên bố không công nhận ông Vi Hồng S và bà Lò Thị P là vợ chồng.

+ Về con chung và tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Vi Hồng S khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Lò Thị P; bị đơn bà Lò Thị P cư trú tại Thôn N, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông; ông S chung sống với bà P từ cuối năm 1987 đầu năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Do đó, đây là vụ án "Không công nhận quan hệ vợ chồng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Căn cứ mở phiên tòa: Vụ án "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo nguyên tắc không được hòa giải tại Điều 205 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cư Jút đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung: Các đương sự đều thừa nhận từ đầu năm 2023 giữa ông S và bà P xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do quan điểm sống không hợp nhau, không hiểu nhau về tính cách nên cuộc sống chung nặng nề, cả hai đã sống ly thân từ đầu năm 2023. Sự việc đã được các bên đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh.

Tại các Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

Điều 9: Đăng ký kết hôn:

1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

Điều 14. Giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn:

1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.

2. Trong trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều này nhưng sau đó thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật thì quan hệ hôn nhân được xác lập từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Điều 53. Thụ lý đơn yêu cầu ly hôn

1. Tòa án thụ lý đơn yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Vi Hồng S và bà Lò Thị P.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Các điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 14, Khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận ông Vi Hồng S và bà Lò Thị P là vợ chồng.

2. Về con chung: Các con chung là Vi Văn T, sinh ngày 13/01/1990; và Vi Thị T, sinh ngày 25/4/1992 hiện nay đều đã trưởng thành (trên 18 tuổi) và các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Vi Hồng S phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000304 ngày 22/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Júit;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

LỘC THỊ VINH